

Số: 77/2024/QĐST-HNGĐ

S, ngày 14 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 443/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, giữa:

**N đơn:** Bà **Trần Thị N** - Sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyền Quang.

**Bị đơn:** Ông **Nguyễn Ngọc V** - Sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyền Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Ngọc V.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Ngọc V thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Quá trình chung sống, bà Trần Thị N và ông Nguyễn Ngọc V có ba con chung:

+ Chị Nguyễn Thị C – Sinh năm: 1992.

+ Chị Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1995.

+ Anh Nguyễn Tiến H – Sinh năm: 1996.

Hiện tại, chị C, chị L, anh H đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường. Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Ngọc V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung và công nợ:** Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Ngọc V cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Ngọc V thỏa thuận nhất trí để bà Trần Thị N chịu 150.000<sup>d</sup> án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> theo biên lai ký hiệu: BLTU/23, số: 0001158 nộp ngày 27/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000746180 ngày 27/10/2023 của Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam). Trả lại cho bà Trần Thị N 150.000<sup>d</sup> tiền chênh lệch tạm ứng án phí.

Ông Nguyễn Ngọc V không phải chịu án phí.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Đ (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Việt Cường**